



PHÙ NAM: CÁC NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN BỎ NGỎ

V □ □ NH M □ □ I

1. Giới thiệu

Nghiên cứu về Phù Nam - một trong những nhà n-ớc xuất hiện sớm nhất ở Đông Nam □ được coi là chìa khoá để tìm hiểu sự hình thành và phát triển của các nhà n-ớc sơ khai thời cổ đại ở khu vực này, mối quan hệ giữa các nền văn minh trong khu vực với các nền văn minh khác trên thế giới. Cho đến nay những gì chúng ta đ-ợc biết về vương quốc này chủ yếu từ các thư tịch cổ, biên niên sử của Trung Quốc, bia ký và từ các cuộc khai quật của nhà khảo cổ học. Tuy nhiên, những nguồn t- liệu này vẫn ch- a đủ để làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan đến v-ong quốc Phù Nam, hoặc cần phải đ-ợc kiểm định về tính chân thực của chúng. Chính vì thế, các học giả ở Việt Nam và trên thế giới, nhất là các nhà khảo cổ học, vẫn tiếp tục tiến hành các nghiên cứu về Phù Nam. Bài viết này một mặt điểm lại lịch sử nghiên cứu và các phát hiện quan trọng, mặt khác phân tích có tính gợi mở các giả thuyết và tranh luận các vấn đề liên quan đến v-ong quốc Phù Nam.

Là nhà n-ớc sơ khai đầu tiên ở khu vực Đông Nam □, Phù Nam đ-ợc thế giới hiện đại biết đến, tr-ớc tiên, qua các biên niên sử và ghi chép của sử thần các nhà n-ớc cổ đại Trung Quốc - một vài tài liệu có niên đại rất

sớm, từ thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên, và sau đó là các cuộc khai quật và nghiên cứu của các nhà khảo cổ học Pháp và Việt Nam (L-ong Ninh, 2002; Stark và cộng sự, 1999, tr. 8; Võ Sỹ Khải, 1978). V-ong quốc Phù Nam xuất hiện từ thế kỷ thứ nhất và tồn tại cho tới thế kỷ thứ 7 sau Công nguyên. Hiện nay, cái tên Phù Nam vẫn ch- a đ-ợc làm rõ về ý nghĩa và nguồn gốc. Tuy nhiên, một số học giả cho rằng từ “*funan*” (Phù Nam) đ-ợc phiên âm từ từ “*bnam*” trong tiếng Hán, một từ chỉ địa danh, từ này cũng t-ong đ-ong với từ “*phnom*” trong tiếng Khơ me hiện đại và nó có nghĩa là đồi hoặc núi (“*phnom*” là tên gọi các *giồng đất* của ng-ời Khơ me Nam Bộ). Một số nhà nghiên cứu khác lại cho rằng ng-ời Phù Nam có các đặc điểm về thể chất và văn hoá gần gũi với các nhóm tộc ng-ời bản địa hiện nay đang sinh sống tại Tây Nguyên hay vùng lân cận, và các tộc ng-ời này có tộc danh là *Pnong* (hay Mnông), *Bna* (hay Ba Na), *Bnom*... Vì thế cái tên Phù Nam có thể bắt nguồn hay phản ánh một sự vật hiện t-ợng khác (?) (L-ong Ninh, 1999). Trung tâm của v-ong quốc Phù Nam, đ-ợc cho rằng, nằm trong phạm vi từ đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam tới vùng ven biển phía nam của Campuchia ngày nay. Có rất nhiều bằng chứng cho thấy Phù Nam đã từng là một v-ong quốc phát triển về hàng hải, tham gia sâu rộng vào mạng l-ới buôn

bán đ- ờng biển. Từ kết quả của các cuộc khai quật khảo cổ ở □c Eo (1938 - 1944), các học giả đã chứng minh và cho rằng hải cảng lớn nhất của Phù Nam nằm ở tỉnh An Giang của Việt Nam ngày nay. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy rất nhiều hiện vật là hàng hoá và các sản phẩm có nguồn gốc từ □n Độ và Trung Quốc, thậm chí từ đế quốc La Mã (Higham, 2001, tr. 25 - 28). Các bằng chứng này cũng cho thấy xã hội của ng- ời Phù Nam đã đạt tới trình độ phát triển cao: có sự phân công lao động theo nghề, có hệ thống chữ viết, có trình độ mỹ nghệ và kỹ thuật luyện kim cao (Võ Sĩ Khải, 1978, tr. 71 - 72).

Các nguồn t- liệu và hiện vật cho thấy ng- ời Phù Nam đã tiếp thu và ảnh h- ởng rất nhiều các thành tố văn hoá □n Độ. Đây là kết quả của quá trình trao đổi buôn bán với các th- ơng nhân □n Độ. Ngoài việc tiếp thu các yếu tố văn hoá nh- □n Độ giáo và Phật giáo, ng- ời Phù Nam cũng tiếp thu các yếu tố kỹ thuật ứng dụng từ ng- ời □n Độ.

Các nguyên nhân dẫn đến sự suy vong của v- ơng quốc Phù Nam đến nay vẫn ch- a rõ ràng. Có ý kiến cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do sự suy giảm trao đổi buôn bán hay do một trận thiên tai bất ngờ, hoặc cả hai. Đến thế thứ 7 sau Công nguyên Phù Nam bị *Chenla* (Chân Lạp, tiền thân của nhà n- ớc Campuchia ngày nay), một trong các n- ớc ch- hầu của v- ơng quốc này thôn tính; và qua thời gian ng- ời Phù Nam dần dần bị đồng hoá hoàn toàn vào xã hội của đế quốc *Chenla*. Tuy nhiên, các thành tựu văn hoá của ng- ời Phù Nam đã đặt nền móng căn bản cho sự hình thành và phát triển nền văn minh Angkor sau này (L- ơng Ninh, 2005, tr. 175 - 184).

Hiện nay vẫn ch- a có bằng chứng rõ ràng về nguồn gốc của ng- ời Phù Nam. Tuy nhiên, L- ơng Ninh cho rằng ng- ời Phù Nam là sản phẩm của sự kết hợp giữa hai loại hình c- dân: Môn - Khơ me bản địa và Mã Lai - Đa đảo (*Malayo-Polynesian*) - c- dân di c- từ các đảo và quần đảo phía nam (Đông Nam □ hải đảo và khu vực Đa đảo thuộc châu Đại D- ơng).

2. Các nghiên cứu và một số vấn đề còn bỏ ngỏ

Mặc dù nghiên cứu về Phù Nam đã có lịch sử hơn một thế kỷ, nhiều câu hỏi liên quan đến v- ơng quốc này vẫn ch- a có câu trả lời thoả đáng.

Các học giả theo mô hình “thực dân” của Paul Wheatley, bị ảnh h- ởng bởi thành kiến “Indo - China” (Trung - □n) cho rằng sự hình thành của v- ơng quốc Phù Nam cũng nh- là các nhà n- ớc cổ đại ở khu vực Đông Nam □ lục địa là do sự ảnh h- ởng áp đặt từ hai nền văn minh lớn Trung Quốc và □n Độ. Ng- ợc lại, dựa vào các kết quả nghiên cứu gần đây, Charles Higham (2001) lại cho rằng sự hình thành các nhà n- ớc cổ đại của khu vực này bị ảnh h- ởng chủ yếu bởi các yếu tố phát triển nội tại. Theo ông, chiến tranh, việc tranh giành kiểm soát quyền lực và trao đổi hàng hoá, chất l- ợng cai quản và điều hành, và nhu cầu về nghi lễ, tôn giáo, tín ng- ỡng là các nhân tố chính dẫn đến sự hình thành các nhà n- ớc này. Higham dẫn chứng, theo các ghi chép và bản tấu của các sứ thần Trung Quốc, các con tàu buồm vận chuyển hàng hải của các nhà n- ớc sơ khai khu vực Đông Nam □ đã xuất hiện từ rất sớm, từ thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên. Những con tàu này có chiều dài lên tới 50m và nặng trên 600 tấn. Một trong những tr- ờng hợp điển hình

cho sự hình thành nhà n-ớc bắt nguồn từ sự phát triển nội tại là nhà n-ớc của ng-ời Yao ở Malawi ở Đông Phi (Higham, 2001, tr. 7 - 9). Trên thực tế, các ghi chép của ng-ời Trung Quốc và các bằng chứng từ khai quật khảo cổ học cho thấy ng-ời Đông Nam Á cổ đại có quan hệ gần gũi về hàng hoá và văn hoá với ng-ời Ấn Độ từ rất sớm, ít nhất là từ năm 350 tr-ớc Công nguyên, nh-ng sự ảnh hưởng từ ng-ời Ấn Độ đối với khu vực này diễn ra một cách hoà bình và trong một thời gian dài, xuất phát phần nhiều từ nhu cầu nội tại của cộng đồng c- dân bản địa hơn là do sự áp đặt từ bên ngoài. Điều này có nghĩa các lãnh tụ bản địa thờ cúng các vị thần và tiếp thu hệ thống chữ viết của ng-ời Ấn Độ cho chính lợi ích của chính họ chứ không phải bị áp đặt từ bên ngoài (Higham, 2001, tr. 7 - 9). Có lẽ sự hình thành của nhà n-ớc Phù Nam diễn ra theo mô hình mà Higham vừa nêu ở trên.

Thế giới hiện đại biết về v-ong quốc Phù Nam sớm nhất là vào cuối thế kỷ 19 thông qua các bản dịch của Hervey De Saint Denys (1883) và De Rosy (1886) từ các th- tịch cổ của ng-ời Trung Quốc. Tuy nhiên, do thiếu thông tin kiểm chứng các học giả lúc bấy giờ nh- Aymoiere E. và Schlegel đã đ- a ra kết luận sai lầm, cho rằng Phù Nam cũng chính là *Chenla* kể cả về mặt lịch sử và địa lý. Sau đó, bằng việc tìm hiểu và phân tích một cách có hệ thống các công trình biên niên sử và biểu tấu của các triều đại Trung Quốc từ thời nhà Ngô (222 - 280), Tiền Tống (420 - 478), Nam Tề (479 - 501), L-ơng (589 - 618), và nhà Đ-ờng (618 - 916), Pelliot đã chỉ ra sai lầm nêu trên, đồng thời phác thảo một bức tranh cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của Phù Nam. Từ các công trình của Pillot, đặt biệt là cuốn

“*Nhà n-ớc Phù Nam*” xuất bản bởi BEFEO năm 1903, các đặc điểm cơ bản của nhà n-ớc Phù Nam đ-ợc tổng kết nh- sau:

Phù Nam cách Lâm Ấp (v-ong quốc của ng-ời Chăm cổ) 3000 lí¹ và nằm sát bờ biển. Sự hình thành của v-ong quốc này là kết quả từ sự kết hôn của một v-ong nữ bản địa tên là *Soma* và một ng-ời Ấn Độ tên là *Kaundinya*. Họ và các con của họ trị vì bảy phố. V-ong quốc có các th- viện và hệ thống chữ viết t-ong tự nh- chữ viết của ng-ời Hồ (một ngôn ngữ đ-ợc ng-ời Hồ [Hu] miền Nam Ấn Độ cổ sử dụng). Tôn giáo của họ có đặc điểm đa thần giáo (polytheism); họ thờ “thần hai tay” và “thần bốn tay” (có lẽ là các vị thần của Ấn Độ giáo), và theo cả Phật giáo. Vị vua sau đó là *Fun Shih Man* tiến hành rất nhiều cuộc chiến tranh xâm l-ợc và sau đó thu phục đ-ợc các lãnh tụ vua chúa láng giềng. Một đoàn sứ thần Trung Quốc do *Kang Tai* (nhà Ngô 222 - 280) dẫn đầu đã đ-ợc vị vua *Fu Tam* đón tiếp long trọng. Trong một ghi chép của nhà L-ơng (589 - 618), Phù Nam lúc đầu rộng 3000 lí, nh-ng đến thời *Fun Shih Man* (khoảng đầu thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên) nó đã đ-ợc mở rộng lên tới 6000 lí; ng-ời Phù Nam đã đóng những tàu thuyền buồm rất lớn và có tới 10 n-ớc ch- hầu, bao gồm cả *Chenla*.

Dựa vào các điều tra và khảo cứu nh- đã nêu trên, Pillot đã khẳng định Phù Nam là

¹ Lí: Đơn vị đo khoảng cách truyền thống của người Trung Quốc. Còn nhiều tranh luận về giá trị thực sự của đơn vị này thời Trung Quốc cổ đại; đôi khi nó được sử dụng mang tính biểu tượng. Giá trị của nó không thống nhất mà thay đổi theo các triều đại: thời nhà Tần (221 - 206 TCN), một lí tương đương 576m; thời nhà Hán (206 TCN - 200 CN), tương đương 415,8m; nhà Đường (608 - 907), tương đương với 323 m... Hiện nay ở Trung Quốc, một lí bằng 500m. (Nguồn: http://en.wikipedia.org/wiki/Li_%28unit%29#Changing_values <Accessed 23/2/2008>)

một thực thể chính trị hùng mạnh ở vùng sông Mê Kông, có tr- ớc và có quyền lực bao trùm cả *Chenla* (L- ong Ninh, 2002, tr. 42).

Vào đầu thế kỷ 20, qua các tài liệu dịch từ các ghi chép của ng- ời Trung Quốc, các bia ký và khảo cứu của Pelliot, một bức tranh toàn diện về v- ong quốc Phù Nam đã đ- ợc phác họa t- ong đối rõ ràng bao gồm đặc điểm hình thể nhân chủng của c- dân, vị trí t- ong đối, các khía cạnh về phong tục tập quán, tín ng- ỡng tôn giáo và sinh hoạt đời sống vật chất. Tuy nhiên, việc thẩm tra tính chân thực của các th- ịch của ng- ời Trung Quốc về Phù Nam là một vấn đề nan giải (một số thông tin trong các tài liệu này có sự mâu thuẫn và gây ra nhiều tranh cãi và nghi vấn). Những thông tin trong các tài liệu này là sự thật hay đã đ- ợc phóng đại hoá hoặc bị miệt thị d- ới con mắt của các sứ thần n- ớc lớn? Một câu hỏi quan trọng cũng đ- ợc đặt ra: Đây là vị trí trung tâm của v- ong quốc này? Năm 1928, Coedes dựa vào các văn bản th- ịch cổ Trung Quốc cho rằng vị trí của Phù Nam nằm ở *Phnom Ba* gần sông Mê Kông, thuộc tỉnh Preyvang của Campuchia ngày nay, nh- ng không có bằng chứng xác thực nào, kể cả từ khảo cổ học chứng minh cho luận điểm của Coedes (L- ong Ninh, 2002, tr. 42).

Kể từ những năm 1930, các cuộc khai quật khảo cổ học trở thành cách tiếp cận quan trọng trong nghiên cứu về Phù Nam, đặc biệt là cuộc khai quật khảo cổ học điều hành bởi nhà khảo cổ học ng- ời Pháp L. Mallerret. Một mặt, các cuộc khảo cổ này cung cấp các bằng chứng mang tính thực nghiệm để kiểm chứng các th- ịch cổ Trung Quốc; mặt khác, chúng cũng giúp cho việc khám phá và phát hiện thêm các khía cạnh khác nhau của v- ong quốc này và cả thời kỳ Tiền Phù Nam.

Trong các cuộc khai quật điều hành bởi I. Bouchot năm 1927 và sau đó là E. Saurin vào năm 1960 tại đồn điền Hang Gòn và các địa điểm lân cận ở Đồng Nai, miền Đông Nam Bộ, rất nhiều công cụ đá ghè đẽo đơn giản đã đ- ợc phát hiện; các công cụ này có niên đại từ 70 đến 100 nghìn năm tr- ớc ngày nay. Điều này cho thấy con ng- ời đã có mặt ở đây từ rất sớm. Đối với khu vực miền Tây Nam Bộ, qua khai quật 90 địa điểm thuộc văn hoá \square c Eo, các niên đại các bon phóng xạ C14 thu đ- ợc cho thấy con ng- ời đã c- trú tại đây ít nhất là từ năm 530 tr- ớc Công nguyên (Viện Sử học, 2001, tr. 425 - 430).

Cuộc khai quật kéo dài từ năm 1938 tới năm 1944 do L. Mallerret điều hành là cuộc khai quật có quy mô lớn và có nhiều phát hiện nhất. Các phát hiện quan trọng của ông đ- ợc xuất bản từ năm 1959 đến năm 1963 trong công trình "*L' Archeologie du Delta Mekong*" (Khảo cổ học vùng đồng bằng sông Mê Kông) bao gồm 4 tập (L- ong Ninh, 2005, tr. 88 - 110). Trong cuộc khai quật này rất nhiều di chỉ, di tích và hiện vật đ- ợc tìm thấy có niên đại từ thế kỷ thứ 2 tr- ớc Công nguyên đến thế kỷ thứ 7 sau Công nguyên. Và ông cho rằng chúng thuộc về một nền văn hoá mà ông gọi là văn hoá \square c Eo (tên của một địa điểm khai quật ở xã Vọng Khê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang). Cuộc khai quật đã phát hiện đ- ợc hàng ngàn hiện vật khác nhau: gạch, ngói, cọc và cột gỗ của các công trình kiến trúc cổ; các hệ thống trị thủy phức tạp và kiến trúc phục vụ nghi lễ tôn giáo, tín ng- ỡng; các loại công cụ bằng đá, gỗ, x- ong động vật, đồng và sắt nh- các loại rìu có lỗ tra cán, chày cối... Rất nhiều hiện vật trang sức làm bằng thủy tinh, thiếc, chì, đồng, vàng, bạc và các loại đá quý cũng đ- ợc tìm thấy. Trong đó, có một số hiện vật

có nguồn gốc từ các nền văn minh khác: có 2 chiếc g-ong đồng Trung Quốc (niên đại từ 25 đến 220 sau Công nguyên), 2 đồng xu có nguồn gốc La Mã, thời kỳ *Antonius Pius* (138 - 161) và *Marcus Aurelius* (161 - 180). Thêm vào đó, có 36 mảnh đồng và vàng khác biểu t-ợng thần Brahmin và chữ Sanskrit, và 1.311 mảnh đồ trang sức bằng vàng cũng đ-ợc phát hiện. Cuộc khai quật cũng phát hiện các hiện vật, di chỉ, di tích liên quan đến sinh hoạt gia đình nh- móng nhà, các mảnh vỡ của các loại đồ gốm, x-ong cá và x-ong các loại vật nuôi nh- lợn, trâu bò (Higham, 2001, tr. 25 - 27). Đặc biệt, cuộc khai quật đã phát hiện 4 đồng xu lớn (đ-ờng kính 3 cm) và 5 đồng xu bé (đ-ờng kính 1,5 cm) bằng bạc có biểu t-ợng thần Shiva (gần đây, 8 đồng xu t-ợng tự cũng đ-ợc tìm thấy ở Thái Lan và Miến Điện). Dựa vào các phát hiện khảo cổ và ảnh máy bay chụp vào những năm 1930, Malleret đã phác hoạ và chứng minh rằng ở khu vực này đã từng có một mạng l-ới hệ thống thuỷ lợi dày đặc; có tổng cộng 5 con kênh lớn nối Angkor Borei với Wat Po (1), Wat Sosay (2), Wat Speu (3) thuộc tỉnh Takeo, Campuchia (các con kênh này dài từ 2 đến 4 km), Châu đốc (4) - dài 15 km và với □c Eo (5) - dài khoảng 100 km. Điều này đã thuyết phục ông đi đến kết luận khu vực *Angkor Brei* chính là thủ phủ *Vyahapura* của v-ong quốc Phù Nam cổ (L-ong Ninh, 2002, tr. 44). Malleret cũng phát hiện 3 thành thị cổ của Phù Nam là cảng thị □c Eo, Nền Chùa hay Takeo (Kiên Giang), và Nền Vua hay còn gọi là Trăm Phố (vùng giáp ranh Cà Mau - Kiên Giang) (L-ong Ninh, 1999, tr. 22 và 2005, tr. 108 - 109).

Thật đáng tiếc, khi cuộc khai quật của Malleret đang còn dang dở thì bị dừng lại do

chiến tranh. Tuy nhiên, các phát hiện và việc hệ thống hoá và mô tả chi tiết hàng ngàn hiện vật văn hoá □c Eo của ông đã cung cấp những bằng chứng tin cậy để khôi phục bức tranh toàn cảnh của v-ong quốc Phù Nam và để lại một nền tảng khoa học to lớn làm cơ sở cho các nhà nghiên cứu về Phù Nam sau này.

□ Việt Nam, sau 1975, rất nhiều các cuộc khai quật khảo cổ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đ-ợc tiến hành bởi các nhà khảo cổ học Việt Nam và n-ớc ngoài. Về cơ bản, những cuộc khai quật này tập trung vào việc thẩm định lại các phát hiện của Malleret và tiếp tục nghiên cứu mở rộng trên cơ sở các phát hiện này. Thêm vào đó, các cuộc khai quật này cũng h-ớng vào tìm hiểu thời kỳ Tiền □c Eo để tìm hiểu sự chuyển tiếp giữa hai giai đoạn. Khoảng 95 điểm đã đ-ợc khai quật ở vùng Đông và Tây Nam Bộ. Các phát hiện ở Suối Cái, Đông Nai là một trong những phát hiện quan trọng nhất. Tại điểm khai quật này, các nhà khảo cổ đã phát hiện một tầng di chỉ c- trú chông lên di chỉ mộ táng cổ; 4 trống đồng Đông Sơn và 7 chiếc mộ chum giống mộ chum ở Sa Huỳnh, có niên đại phóng xạ các bon C14 vào khoảng 500 tr-ớc Công nguyên. Điều này cho thấy đã có mối quan hệ từ rất sớm giữa các nền văn hoá cổ trên lãnh thổ của Việt Nam. □ Campuchia vào những năm 1990, một số cuộc khai quật ở khu vực *Angkor Borei* đã đ-ợc tiến hành bởi các nhà nhân học thuộc Trung tâm Đông Tây và đại học Hawaii, điều hành bởi Miriam Stark. Các khai quật này tập trung vào việc tìm hiểu mối quan hệ giữa thời kỳ □c Eo và đế chế Angkor sau này, thông qua việc định niên đại và tìm hiểu các chi tiết về kết cấu và trang trí của các di chỉ tầng văn hoá và công trình kiến trúc ở đây. Tuy nhiên, các phát hiện này vẫn ch- a

có những khẳng định chắc chắn (Higham, 2001, tr. 28 - 29; Stark, 1999). Nhìn chung, gần đây không có nhiều phát hiện khảo cổ quan trọng. Một vấn đề hết sức nan giải cho các nhà khảo cổ học nghiên cứu về Phù Nam và văn hoá \square c Eo là d- ới tác động của chiến tranh, các hoạt động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của con ng- ời, và nạn đào bới và ăn cắp cổ vật, nhiều di chỉ, di tích, kiến trúc cổ bị phá huỷ, biến dạng và mất đi dấu vết tự nhiên vốn có của chúng.

3. Thảo luận

Nh- ã trình bày ở trên, các kết quả nghiên cứu về Phù Nam đã đạt đ- ợc những thành tựu to lớn. Tuy nhiên, còn có nhiều vấn đề ch- a thực sự sáng tỏ và gây nhiều tranh luận, ví dụ nh- v- ơng quốc này đ- ợc hình thành nh- thế nào, các công trình kiến trúc đồ sộ này đ- ợc xây dựng và duy trì nh- thế nào, ý nghĩa và chức năng của chúng (nhất là đối với các công trình phục vụ cho các nghi lễ tôn giáo, tín ng- ỡng), tổ tiên và hậu duệ của của c- dân Phù Nam là ai? v.v.

Từ các phát hiện khảo cổ học của Malleret, các cuộc khai quật sau này, và các mô tả trong các th- tịch cổ, gần đây các nhà khoa học đã phân nào nhận dạng đặc điểm nhân chủng của c- dân Phù Nam cổ. Họ là những ng- ời mang đặc điểm nhân chủng thuần Indonesian, t- ơng tự nh- một số tộc ng- ời thiểu số hiện nay ở khu vực Tây Nguyên: màu da tối, tóc dày và quăn. Một phân tích về các hộp sọ khai quật ở Nền Vua cho thấy đàn ông Phù Nam cao khoảng 162 cm và phụ nữ cao 160 cm; ngoài ra, có một số đặc điểm nhân chủng khác nhau giữa những ng- ời Phù Nam cũng đ- ợc phát hiện (Võ Sỹ Khải, 1978, tr. 70 - 71). Gần đây nhất, L- ơng Ninh (2005, tr. 15) giả thiết rằng c- dân Phù Nam đ- ợc hình thành từ sự

kết hợp hai luồng dân c- , ng- ời Môn - Khơ me bản địa và c- dân Mã Lai - Đa Đảo (*Malayo-Polynesian*). Theo ông, luồng di dân đầu tiên từ các đảo phía nam là tới miền Trung Việt Nam và họ là chủ nhân của văn hoá Tiền Sa Huỳnh từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ 7 tr- ớc Công nguyên. Vào khoảng năm 500 tr- ớc Công nguyên, luồng di dân thứ hai của các c- dân Nam đảo vào lục địa Đông Nam \square theo ba h- ớng chính: nhánh thứ nhất tiếp tục vào miền Trung và hoà vào ng- ời Môn cổ và tạo ra văn hoá Sa Huỳnh; nhánh thứ hai vào khu vực Đồng Nai, và nhánh cuối cùng di c- vào l- u vực sông Sài Gòn. Chúng tôi cho rằng giả thiết này là có cơ sở. Trong th- tịch cổ có đề cập đến truyền thuyết về cuộc hôn nhân giữa nữ v- ơng bản địa tên là *Soma* và một th- ơng nhân \square n Độ tên là *Kaundinya* và cuộc hôn nhân này đã dẫn tới việc hình thành v- ơng quốc Phù Nam. Phải chăng truyền thuyết này thực chất phản ánh sự kết hợp giữa hai luồng dân c- Môn - Khơ me cổ và ng- ời Mã Lai - Đa Đảo?

Vào thời kỳ tr- ớc và sau Công nguyên ở khu vực Nam Bộ và Nam Campuchia có rất nhiều cộng đồng chính thể (*polities*) tồn tại, khoảng trên d- ới 10 cộng đồng, có thể bao gồm cả *Chenla* (tiên thân của nhà n- ớc Campuchia sau này) của ng- ời Môn - Khơ me cổ và Mã Lai - Đa Đảo hoặc hỗn hợp; một vài cộng đồng đã phát triển thành các nhà n- ớc sơ khai nh- Phù Nam, một số khác đang còn ở chế độ thủ lĩnh phát triển (các *Mandala*). Giữa các cộng đồng này không có biên giới lãnh thổ rõ ràng và không ổn định về mặt c- ơng vực; quy mô c- ơng vực phụ thuộc vào sức mạnh của từng thủ lĩnh cùng bộ máy điều hành cộng đồng. Ng- ời đứng đầu các cộng đồng này cũng là ng- ời nắm giữ quyền lực tôn giáo cao nhất. Sự lớn mạnh của Phù Nam sau Công nguyên đã tạo tiền

đề cho v-ong quốc này lấn át, thôn tính hoặc biến các cộng đồng chính thể khác thành ch-hâu, trong đó có *Chenla*. Đến thế thứ 7 sau Công nguyên Phù Nam yếu dần và bị *Chenla* thôn tính lại, và qua thời gian ng-ời Phù Nam dần dần bị hoà nhập hoàn toàn vào xã hội của đế quốc *Chenla*.

Tóm lại, từ các nguồn t- liệu khác nhau và các phát hiện khảo cổ học, chúng ta có thể khẳng định chắc chắn nhiều vấn đề về v-ong quốc Phù Nam - một trong những nhà n-ớc hình thành sớm nhất ở Đông Nam □, có sự phát triển đạt đến trình độ cao về xã hội, văn hoá và kỹ thuật; và là nhà n-ớc phát triển độc lập và không phải là nhà n-ớc tiền thân của *Chenla*. Tuy nhiên, nh- đã trình bày ở trên, vẫn còn nhiều vấn đề về Phù Nam vẫn ch- a sáng tỏ và vẫn còn bỏ ngỏ cần phải có các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Xuân Diễm (1984), “Các nền Văn hoá cổ Đồng bằng Sông Cửu Long”, trong: *Văn hoá Ốc Eo và Các nền Văn hoá cổ khác ở Đồng bằng Sông Cửu Long*, Sở Văn hoá - Thông tin, An Giang, tr. 43 - 59.

2. Mạc Đ- ờng (1981), “Các Vấn đề về Dân c- và Dân tộc ở Đồng bằng Sông Cửu Long thời Cổ đại”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 1 - 9, 44, Hà Nội.

3. Higham, Charles (2001), *The Civilization of Angkor* (Nền văn minh Angkor), University of California Press, Berkeley.

4. Trịnh Thị Hoà (1995), “Các Di chỉ Văn hoá □c Eo – Một vài nhận xét”, *Tạp chí Khảo cổ học*, Số 2, tr. 60 - 67, Hà Nội.

5. Võ Sỹ Khải (1978), “Khảo cổ học và nền Văn minh Phù Nam”, *Tạp chí Khảo cổ học*, Số 2, tr. 70 - 77, Hà Nội.

6. L- ơng Ninh (1999), “Văn hoá cổ Phù Nam - Văn hoá Đồng bằng Sông Cửu Long”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 4, tr. 23 - 30, Viện Sử học, Hà Nội.

7. L- ơng Ninh (2002), “Nhà n- ớc Phù Nam - Một Thế kỷ Nghiên cứu”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 3, tr. 41 - 48, Viện Sử học, Hà Nội.

8. L- ơng Ninh (2005), *V-ong quốc Phù Nam: Lịch sử và Văn hoá*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

9. Osborne, Milton (2000), *The Mekong Delta: Turbulent Past, Uncertain Future* (Đồng bằng sông Mê Kông: Quá khứ loạn lạc, T- ơng lai khôn l- ờng), Grove Press, New York.

10. Stark Miriam, et al. (1999), “Results of the 1995-1996 Archaeological Field Investigations at Angkor Borei, Cambodia (Các Kết quả Điều tra Khai quật Khảo cổ học tại Khu vực Ankor Borei, Campuchia năm 1995 - 1996)”, *Asian Perspectives*, 38 (1), tr. 7 - 36.

11. Suleiman, Satyawati (1984), “Early State Formation in Western Indonesia (Sự Hình thành Nhà n- ớc sơ khai vùng Tây Indonesia)”, trong: *Southern Asian Archeology at the XV Pacific Science Congress*, Bayard, D. ed., vol. 16, tr. 254 - 260.

12. Lê Trung và Trịnh Thị Hoà (1984) “Các hiện vật Văn hoá □c Eo đ- ợc Bảo quản tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh”, trong: *Văn hoá Ốc Eo và Các nền Văn hoá cổ khác ở Đồng bằng Sông Cửu Long*, Sở Văn hoá - Thông tin, An Giang, tr. 166 - 172.

13. Viện Sử học (2001), “Các Cộng đồng Chính trị Đồng bằng Sông Cửu Long từ Thế kỷ I đến Thế kỷ X sau Công nguyên”, trong: *Lịch sử Việt Nam từ Thời kỳ Nguyên thủy tới Thế kỷ X*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 424 - 452.